TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST Ngày: 22/02/2018 *V/v "Hôn nhân và gia đình"*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM**

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Cảnh

2. Bà Trần Ngọc Diệu

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Võ Thị Hồng Thắm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Ngày 22/02/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 546/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc: "*Yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/02/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Vũ P, sinh năm: 1988; Địa chỉ: 26/2A Khu phố 2, phường Tân Phú, quận 7, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Ấp 5, xã Sơn Phú, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa, anh P có mặt, chị N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/8/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Vũ P trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh và chị N chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Phú, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 12/01/2010. Hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì dần phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng nhận thấy không hợp với nhau nên đã sống ly thân cách nay khoảng 3 năm. Anh chị đã suy nghĩ kỹ giữa anh và chị N không thể tiếp tục cùng chung sống với nhau được nên vợ chồng cùng có đơn yêu cầu Tòa án công nhận cho vợ chồng anh chị thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, sau khi vợ chồng cùng đến Tòa án nhân dân quận 7, nơi anh đăng ký thường trú yêu cầu công nhận vợ chồng anh thuận tình ly hôn thì vợ anh không đến Tòa án để giải quyết nên anh có yêu cầu chuyển việc dân sự thành vụ án ly hôn và yêu cầu chuyển về Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết theo thẩm quyền. Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin được ly hôn với vợ anh là chị Nguyễn Thị Thanh N.

- *Về con chung*: Anh và vợ anh sống có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Mai, sinh ngày 01/8/2011 hiện đang sống với chị N, anh đồng ý giao con chung cho vợ anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

Tại tờ tự khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt cùng ngày 01/02/2018 bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Chị và anh P kết hôn vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Phú, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 12/01/2010. Hôn nhân do tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ sống hạnh phúc với nhau được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa chị và anh P có nhiều bất đồng quan điểm nên chị đã bỏ về quê cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân với nhau đã hơn 03 năm cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, vợ chồng không có liên lạc với nhau. Đến nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh P.

Ngày 31/8/2017, chị cũng đã đồng ý thuận tình ly hôn với anh P tại Tòa án nhân dân quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh nhưng do chị về quê ruột sống tại Sơn Phú nên chị không đến Tòa án nhân dân quận 7 giải quyết việc ly hôn được. Chị vẫn đồng ý thuận tình ly hôn với anh P.

- *Về con chung:* Vợ chồng sống có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Mai, sinh ngày 01/8/2011 hiện do chị đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN XÉT CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

- *Về tố tụng:* Chị Nguyễn Thị Thanh N là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N.

- *Nội dung:*

+ *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Vũ P và chị Nguyễn Thị Thanh N sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Phú, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 12/01/2010. Hôn nhân của anh chị do tự nguyện và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, thừa nhận. Anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hôn nhân của anh P và chị N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị N đã trầm trọng vì anh P và chị N đã sống ly thân với nhau đã ba năm cho đến nay, không có thời gian đoàn tụ, chăm sóc lẫn nhau như vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N và anh P đã có mâu thuẫn và đã sống ly thân cách nay khoảng 3 năm nhưng không thể cải thiện được cuộc sống vợ chồng. Mặt khác, vợ chồng anh P và chị N đồng ý thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, sau khi vợ chồng cùng có yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh công nhận thuận tình ly hôn nhưng sau đó, chị N đã về quê ở xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre sinh sống nên anh P thay đổi từ việc dân sự chuyển thành vụ án dân sự và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết vụ án xin ly hôn theo thẩm quyền và chị

N cũng đồng ý thuận tình ly hôn. Do đó, cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh P và chị N là phù hợp.

+ *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, anh P và chị N có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Mai, sinh ngày 01/8/2011 hiện do chị N đang nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị N và anh P sống ly thân cho đến nay, chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc Mai, chị vẫn đảm bảo quyền và lợi ích cho trẻ. Mặt khác, anh P cũng đồng ý sau khi ly hôn, anh sẽ giao con chung chưa thành niên cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng nê cần chấp nhận yêu cầu xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên của chị N là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên: Theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên chị N là người trực tiếp nuôi con chưa thành niên nhưng chị không có yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của chị N nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh P không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Anh P phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 2 Điều 227 Luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Vũ P và chị Nguyễn Thị Thanh N.

- *Về con chung:* Anh Nguyễn Vũ P và chị Nguyễn Thị Thanh N 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Mai, sinh ngày 01/8/2011. Giao con chung cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ngọc Mai đủ 18 tuổi. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không có yêu cầu. Anh P được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị N và anh P không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Anh Nguyễn Vũ P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số AA/2017/0024327 ngày 07/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh. Tại biên lai thu tiền trên, có tên anh P và chị N cùng đóng nên anh P có trách nhiệm trả lại cho chị N số tiền là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trong thời hạn 15 ngày: Đối với nguyên đơn có mặt tại tòa thì kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn vắng mặt tại tòa thì kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm

yết công khai tại trụ sở Ủy Ban nhân dân xã nơi cư trú của bị đơn; có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.